

Số: 1104 /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 30 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Hồ chứa nước Đắk N'ting, tỉnh Đắk Nông tại xã Quảng Sơn, huyện Đắk G'long, tỉnh Đắk Nông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hồ chứa nước Đắk N'ting, tỉnh Đắk Nông tại xã Quảng Sơn, huyện Đắk G'long, tỉnh Đắk Nông;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án hồ chứa nước Đắk N'ting, tỉnh Đắk Nông tại xã Quảng Sơn, huyện Đắk G'long, tỉnh Đắk Nông đã được chỉnh sửa bổ sung kèm theo Công văn số 190/BQL-KHTH ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 261/TTr-TNMT-BVMT ngày 27 tháng 7 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Hồ chứa nước Đắk N'ting, tỉnh Đắk Nông tại xã Quảng Sơn, huyện Đắk G'long,



tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi là Dự án) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này; các nội dung bảo vệ môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về quy mô, công suất, công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt nhưng chưa đến mức phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Đắk Nông.

Điều 4. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của dự án.

* Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (được thành lập theo Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh) chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về nội dung đề xuất tại Quyết định này.

Điều 5. Ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND huyện Đắk Glong thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Môi trường;
- Công an tỉnh;
- Ủy ban mặt trận tổ quốc tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT, KH&CN, XD;
- UBND huyện Đắk Glong;
- BQL DA ĐTXD CT NN&PTNT tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT, CTTĐT, KTN(N).

4

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Thanh Tùng

PHỤ LỤC:
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN HỒ CHỨA NƯỚC ĐẮK N'TING, TỈNH ĐẮK NÔNG TẠI XÃ QUẢNG
SƠN, HUYỆN ĐẮK G'LONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

*(Kèm theo Quyết định số **M04** /QĐ-UBND ngày **30** tháng 7 năm 2020 của
Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)*

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Hồ chứa nước Đắc N'ting, tỉnh Đắk Nông.
- Địa điểm thực hiện dự án: Thuộc xã Quảng Sơn, huyện Đắc G'long, tỉnh Đắk Nông.
- Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông.
- Trụ sở chính: Số 06 Lê Duẩn, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.
- Đại diện chủ dự án: Ông Nguyễn Văn Nghĩa Chức vụ: Giám đốc

Dự án thực hiện trên địa bàn xã Quảng Sơn, huyện Đắc G'long, tỉnh Đắk Nông theo Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hồ chứa nước Đắc N'ting, tỉnh Đắk Nông và Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh về điều chỉnh quy mô dự án Hồ chứa nước Đắc N'ting, tỉnh Đắk Nông trong quy hoạch sử dụng đất và đưa ra khỏi quy hoạch ba loại rừng tại Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi dự án: Bao gồm khu vực xây dựng lòng hồ thuộc thôn Quảng Tiến và Bon N'ting và khu tưới nằm trải dài 7km theo hai bên thềm suối Đắc N'ting; có tuyến đường kênh chính và kênh phụ đi qua 04 thôn, bon gồm: Thôn Quảng Tiến, bon N'ting, bon Glong Phê và bon Glong Phi Lê tại xã Quảng Sơn, huyện Đắc G'long, tỉnh Đắk Nông.

* Tọa độ vị trí:

+ Tuyến đập 1: Điểm đầu: A (X=1.342.661 ; Y = 425.042)

Điểm cuối: B (X=1.342.579; Y = 425.078)

+ Khu tưới: X = 1.340.983 Y = 426.275

X = 1.343.859 Y = 431.241

- Quy mô và hạng mục công trình dự án:

+ Tổng diện tích sử dụng đất của dự án: 82,4 ha, trong đó: Diện tích đất chiếm dụng lâu dài của dự án là 81,5ha; chiếm dụng tạm thời 0,9ha.

+ Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Công trình thủy lợi.

+ Cấp công trình: Cấp III

- Các chỉ tiêu thiết kế:

- + Tần suất đảm bảo tưới (P%): 85
 + Mức đảm bảo cấp nước sinh hoạt (P%): 90
 + Tần suất lũ thiết kế (P%): 1,5
 + Tần suất lũ kiểm tra (P%): 0,5
 + Tần suất dẫn dòng (P%): 10
 + Tuổi thọ công trình (năm): 50
 + Tần suất gió ứng với mực nước dâng bình thường (P%): 4
 + Tần suất gió ứng với mực nước dâng gia thường (P%): 50

- Các hạng mục chính gồm:

+ Hồ chứa:

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Giai đoạn nghiên cứu khả thi
1	Diện tích lưu vực	km ²	49,5
2	Dung tích hồ	triệu m ³	2,320
3	Dung tích hiệu dụng	triệu m ³	2,127
4	Dung tích chết	triệu m ³	0,193
5	Mực nước chết	m	+796,49
6	Mực nước dâng bình thường	m	+801,55
7	Mực nước lũ thiết kế, P=1,5%	m	+802,41
8	Mực nước lũ kiểm tra, P=0,5%	m	+802,57
9	Diện tích mặt hồ ứng với mực nước dâng bình thường	ha	70,78
10	Diện tích mặt hồ ứng với mực nước lũ thiết kế	ha	77,68
11	Chế độ điều tiết	Điều tiết năm	

+ Đập đất

* **Đỉnh đập:** Đập đất có mặt cắt hình thang, có đồng đá tiêu nước lãng trụ ở hạ lưu, gia cố mái thượng lưu bằng tấm lát bê tông cốt thép mác 200 đá 1x2 kích thước 3m x 3m; mái hạ lưu trồng cỏ bảo vệ, đỉnh đập gia cố bằng bê tông mác 200 đá 1x2.

* **Hệ thống thoát nước của đập và cơ đập mái hạ lưu** làm bằng bê tông mác 200 đá 1x2.

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số
	Thông số đập đất		
1	Hình thức đập	Đập đất đồng chất	
2	Cao trình đỉnh đập	m	+803,40
3	Chiều cao đập lớn nhất	m	13,2
4	Chiều dài đập	m	93,30
5	Chiều rộng mặt đập	m	5,0
6	Kết cấu đỉnh đập	Bê tông M200 đá 1x2	
7	Hệ số mái đập thượng lưu		3,00
8	Hệ số mái đập hạ lưu		2,50
9	Bảo vệ mái thượng lưu	Tấm bê tông cốt thép M200 đá 1x2	
10	Giới hạn gia cố trên		Đỉnh đập
11	Giới hạn gia cố dưới	m	+793,90
12	Bảo vệ mái hạ lưu	Trồng cỏ trong ô rãnh thoát nước	
13	Hình thức thoát nước thân đập	Lãng trụ đá học, kết hợp áp mái	
14	Cao trình đỉnh đồng đá	m	+795,0
15	Chiều rộng đỉnh đồng đá	m	2,00
16	Bộ phận chống thấm nền đập	Chân khay cấu tạo	

+ Trần xả lũ

* Bố trí ở vai phải đập đất, tràn dọc, chảy tự do, ngưỡng tràn phím Piano kết hợp tràn thực dụng chảy tự do.

* **Kết cấu tràn:** Lõi bằng đá học xây vữa M100 được bọc bằng bê tông cốt thép M250 đá 1x2.

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số
1	Hình thức tràn	Tràn dọc, chảy tự do, ngưỡng tràn phím Piano kết hợp tràn thực dụng chảy tự do	
2	Cao trình ngưỡng tràn	m	+801,55

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số
3	Tổng lưu lượng xả lũ thiết kế	m ³ /s	248,80
4	Tổng lưu lượng xả lũ kiểm tra	m ³ /s	309,50
a	Tràn piano		
5	Chiều cao ngưỡng tràn	m	6,0
6	Chiều rộng tràn	m	30,0
7	Chiều dài tràn nước hiệu quả	m	210,0
8	Lưu lượng xả lũ thiết kế	m ³ /s	232,50
9	Lưu lượng xả lũ kiểm tra	m ³ /s	288,30
10	Cột nước tràn lũ thiết kế	m	0,86
11	Cột nước tràn lũ kiểm tra	m	1,02
b	Tràn thực dụng chảy tự do		
12	Chiều cao ngưỡng tràn	m	2,50
13	Số khoang		2,0
14	Chiều rộng tràn	m	12,0
15	Lưu lượng xả lũ thiết kế	m ³ /s	16,3
16	Lưu lượng xả lũ kiểm tra	m ³ /s	21,1
17	Cột nước tràn lũ thiết kế	m	0,86
18	Cột nước tràn lũ kiểm tra	m	1,02

+ **Công lấy nước:** Bố trí ở vai trái đập đất, kết cấu bê tông cốt thép M250 đá 1x2.

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số
1	Hình thức công	Công ống thép bọc bê tông cốt thép, chảy có áp	
2	Chiều dài công	m	52,70
3	Khẩu diện công D	m	1,0
4	Cao trình đáy công thượng lưu	m	+795,0
5	Cao trình đáy công hạ lưu	m	+794,95
6	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	0,80
7	Hình thức lấy nước	Điều tiết lưu lượng bằng van hạ lưu	
8	Thiết bị điều tiết	Van đĩa P1,0m	

+ Tràn dâng và hệ thống kênh mương

* **Tràn dâng:** Bố trí cách đập đất khoảng 3,2 km về phía hạ lưu. Cao trình ngưỡng tràn +786,1m; chiều rộng tràn dâng $B_{tr} = 24m$, chiều cao tràn dâng $H = 3,3m$; lưu lượng xả lũ thiết kế $Q_{tk} = 319 m^3/s$; kết cấu lõi tràn bằng đá hộc xây vữa mác 100, bên ngoài bọc bê tông cốt thép mác 250 đá 1x2.

* **Hệ thống kênh:** Gồm 1 tuyến kênh chính và 3 tuyến kênh nhánh N1, N2, N4 và các công trình trên kênh:

a) Kênh chính và các công trình trên kênh:

- Kênh chính: Chiều dài $L_{kc} = 5.345m$ gồm 2 đoạn. Đoạn 1 từ K0 đến K2+100, kết cấu đường ống bằng thép đường kính D700, dày 6mm; đoạn 2 từ K2+100 đến K5+345 có mặt cắt kênh hình chữ nhật kích thước $B \times H = (0,9 \times 1,0 \text{ :-} 0,5 \times 0,6)m$, kết cấu bê tông cốt thép mác 200 đá 1x2, chiều rộng bờ kênh $B = 0,8m$.

- Các công trình trên kênh chính gồm: 4 van xả khí, 18 cống lấy nước và cống tưới, 7 cống tiêu, 1 cầu máng, 5 cống qua đường, 13 hồ bơm, 1 cống đầu kênh, 1 cụm chia nước cuối kênh, 1 bậc nước.

b) Kênh nhánh N1 và các công trình trên kênh N1:

- Kênh nhánh N1: Chiều dài $L_{N1} = 1.141m$, mặt cắt kênh chữ nhật $b \times h = 0,4 \times 0,5m$, kết cấu bê tông mác 200 đá 1x2, chiều rộng bờ kênh $B = 0,8m$.

- Các công trình trên kênh N1 gồm: 3 cống tưới, 3 cống tiêu, 1 cống qua đường, 4 hồ bơm, 1 tràn ra cuối kênh.

c) Kênh nhánh N2 và công trình trên kênh N2:

- Kênh nhánh N2: Chiều dài $L_{N2} = 1.232m$, mặt cắt kênh chữ nhật $b \times h = 0,4 \times 0,6m$, kết cấu bê tông mác 200 đá 1x2.

- Các công trình trên kênh N2 gồm: 7 cống tưới, 5 cống tiêu, 1 cầu máng, 2 cống qua đường, 5 hồ bơm, 1 tràn ra cuối kênh.

d) Kênh nhánh N4 và công trình trên kênh N4:

- Kênh nhánh N4: chiều dài $L_{N4} = 1.170m$, mặt cắt kênh chữ nhật $b \times h = 0,4 \times 0,6m$, kết cấu bê tông mác 200 đá 1x2, chiều rộng bờ kênh $B = 0,8m$.

- Các công trình trên kênh N4: gồm 5 cống tưới, 5 cống tiêu, 1 cầu máng, 2 cống qua đường, 5 hồ bơm, 1 tràn ra cuối kênh.

+ **Các công trình phụ trợ khác:** Nhà quản lý, đường quản lý kết hợp đường dân sinh và đường tránh ngập lòng hồ.

* Nhà quản lý: Nhà quản lý cấp 4 có diện tích xây dựng $100m^2$, diện tích khuôn viên $200m^2$.

* Đường quản lý kết hợp đường dân sinh: Chiều dài tuyến 2,0km, bề rộng nền đường $B_{nền} = 5,0m$, bề rộng mặt đường $B_{mặt} = 3,5m$, kết cấu mặt đường bằng cấp phối đá dăm.

* Đường tránh ngập lòng hồ: Chiều dài 3,7km, bề rộng mặt đường $B_m = 3,0m$, kết cấu đường đất.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

- Tác động trong giai đoạn thi công xây dựng (do việc vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; thi công các hạng mục công trình của Dự án): Các nguồn tác động liên quan đến chất thải (*chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải sinh hoạt; nước mưa chảy tràn; bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung ...*); các nguồn tác động không liên quan đến chất thải (*tác động đến cộng đồng, an ninh trật tự, kinh tế - xã hội địa phương; tác động đến nguồn nước ngầm và các tác động do các rủi ro, sự cố do hoạt động thi công xây dựng của Dự án ...*).

- Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Các nguồn tác động liên quan đến chất thải (*chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải sinh hoạt; nước mưa chảy tràn; tiếng ồn ...*); các nguồn tác động không liên quan đến chất thải (*tác động đến cộng đồng, kinh tế-xã hội địa phương; tác động đến nguồn nước ngầm và các tác động do các rủi ro, sự cố của Dự án ...*).

2.2. Quy mô tính chất nước thải

Trong giai đoạn thi công: Nước thải sinh hoạt khoảng $2,4 m^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3. Quy mô tính chất của bụi, khí thải

- Trong giai đoạn thi công: Phát sinh trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đá, vật liệu xây dựng, thiết bị phục vụ thi công Dự án từ hoạt động đào đắp, thi công đập, hạng mục đầu mối và đường quản lý.

- Trong giai đoạn vận hành: Phát sinh trong quá trình đào đất thu dọn, nạo vét lòng hồ, vận chuyển đất, đất bùn và sinh khối đi đổ bỏ.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Trong giai đoạn thi công:

+ Chất thải rắn sinh hoạt khoảng $16 \text{ kg}/\text{ngày.đêm}$.

+ Chất thải rắn xây dựng khoảng $134,4 \text{ kg}/\text{ngày.đêm}$.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt khoảng $0,5 - 1 \text{ kg}/\text{ngày.đêm}$.

+ Sinh khối thực vật từ vệ sinh lòng hồ khoảng $3.371,31 \text{ tấn}$.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Trong giai đoạn thi công: Dầu nhớt thải khoảng 672 lít ; các loại chất thải nguy hại khác khoảng $44,5 \text{ kg}$.

- Trong giai đoạn vận hành: Phát sinh khoảng $5-10 \text{ kg}/\text{năm}$ (gồm: Giẻ lau dính dầu và bóng đèn hư hỏng được thay thế).

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác (nếu có)

- Trong giai đoạn thi công: Tiếng ồn từ phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng, thiết bị phục vụ thi công dự án.

- Trong giai đoạn vận hành: Tiếng ồn từ phương tiện vận chuyển đất, đất bùn và sinh khối đi đổ bỏ.

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Công trình bảo vệ môi trường

- Trong giai đoạn thi công: Xây dựng nhà vệ sinh diện tích 8 m², bể tự hoại 3 ngăn với kích thước bể là 3,2m x 2,5 m x2 m; thể tích bể là 16 m³.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Tiếp tục sử dụng nhà vệ sinh đã được xây dựng tại giai đoạn xây dựng với diện tích 8 m², bể tự hoại 3 ngăn với kích thước bể là 3,2m x 2,5 m x2 m; thể tích bể là 16 m³.

+ Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải: Nước thải → Bể tự hoại → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1) xả ra môi trường.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Trong giai đoạn thi công:

+ Các phương tiện, máy móc thi công cơ giới trên công trường đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

+ Có kế hoạch thi công và cung cấp vật tư hợp lý, hạn chế việc tập kết vật tư tập trung vào cùng một thời điểm trên công trường, trang bị bảo hộ lao động.

+ Thường xuyên cho xe bồn tưới nước các đoạn đường vận chuyển nguyên vật liệu từ Quốc lộ 28 đến công trình vào những lúc khô nóng để giảm lượng bụi phát sinh. Tần suất tưới tối thiểu 2 lần/ngày.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Áp dụng biện pháp giải phóng mặt bằng và thi công cuốn chiếu theo từng giai đoạn cụ thể, nhanh gọn theo trình tự trước - sau, hợp lý giữa việc thi công các hạng mục công trình cơ bản để bảo đảm rút ngắn thời gian thực hiện, bảo đảm an toàn giao thông và hạn chế các tác động có hại do bụi, khí thải... gây ra.

+ Tất cả các xe vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới đưa vào sử dụng tại khu vực dự án, phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

+ Lên kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đối với các phương tiện giao thông, máy móc thiết bị thi công.

+ Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân thi công trên công trường.

+ Thực hiện phun nước lên bề mặt đất từ 1 -2 lần/ngày tại khu vực phát dọn

thực bì và vùng đào đắp trong giai đoạn chuẩn bị.

+ Thực hiện tu sửa nâng cấp tuyến đường quản lý kết hợp dân sinh để đảm bảo giao thông trong khu vực.

3.3. Về công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt

- Trong giai đoạn thi công:

+ Sinh khối thực vật phát sinh do quá trình giải phóng mặt bằng bao gồm các loại thực vật trên diện tích trồng lúa, điều, cà phê, hoa màu, cây ăn quả và cây bụi được thu gom và xử lý.

+ Rác sinh hoạt được thu gom ở 4 thùng chứa 60 lít và 120 lít sau đó được đơn vị thi công thực hiện thu gom, tự xử lý hợp vệ sinh, không gây ảnh hưởng đến nguồn nước, môi trường đất tại khu vực công trường trong và sau khi thi công.

- Trong giai đoạn vận hành: Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào sử dụng 01 thùng chứa rác loại 30 lít, lưu chứa tạm thời chất thải phát sinh; định kỳ 1 tuần 1 lần có thể mang ra điểm thu gom rác tại khu dân cư xã Quảng Sơn và hợp đồng với đơn vị thu gom xử lý rác tại địa phương mang đi xử lý theo đúng quy định.

3.4. Về biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Trong giai đoạn thi công:

+ Chất thải nguy hại được phân thành từng loại riêng, không để lẫn chất thải nguy hại với chất thải thông thường. Các loại chất thải nguy hại được thu gom và lưu giữ trong thùng chứa chất thải (có nắp đậy kín), đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường và gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại. Xây dựng kho lưu trữ chất thải nguy hại có diện tích 9 m² để lưu chứa tạm thời lượng chất thải này.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng để chuyển giao xử lý theo quy định.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Bố trí thùng chứa 20 lít có nắp đậy kín tại khu vực nhà ở và khu vực nhà điều hành để lưu giữ chất thải nguy hại.

+ Toàn bộ chất thải nguy hại do đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành công trình ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Trong giai đoạn thi công: Sử dụng máy móc, phương tiện thi công đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, có tiếng ồn và độ rung thấp; bố trí thời gian hợp lý.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Sử dụng các loại xe múc, xe tải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam để thực hiện đào đất thu dọn, nạo vét lòng hồ, vận chuyển đất, đất bùn và sinh khối đi đổ bỏ.

+ Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực dự án không quá 30 km/giờ.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khác

Bảo vệ đa dạng sinh học:

- Xác định ranh giới giữa dự án và diện tích rừng giáp ranh trong khu vực, lập biên bản bàn giao và cắm mốc cụ thể.

- Tuyên truyền cho công nhân xây dựng, công nhân vận hành hồ đập không khai thác rừng trái phép và không săn bắt thú rừng hoặc đánh bắt cá bằng chích điện, thuốc nổ.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Công tác quản lý an toàn đập phải được thực hiện thường xuyên, liên tục trong quá trình khai thác hồ chứa nước và tuân thủ theo Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, an toàn hồ chứa.

- Không tích nước trong hồ vượt trên mức do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định.

- Nghiêm cấm việc thao tác vận hành trái với quy trình, chỉ người có trách nhiệm mới được vận hành công trình.

- Hàng năm, vào đầu mùa lũ tiến hành kiểm tra đánh giá chung về ổn định đập. Phối hợp với Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn địa phương để xây dựng hoặc cập nhật, bổ sung phương án phòng chống lũ lụt vùng hạ du.

- Vào thời điểm sau mùa lũ, tiến hành kiểm tra nhằm phát hiện các hư hỏng; theo dõi diễn biến các hư hỏng đã có của đập; đề xuất biện pháp và kế hoạch sửa chữa, khắc phục các hư hỏng tồn tại.

- Trong mùa lũ để đảm bảo an toàn đập phải xây dựng phương án phòng, chống lụt bão trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, các phương án phòng chống lụt bão bao gồm:

+ Tóm tắt đặc điểm, tình hình hồ chứa có liên quan đến công tác phòng chống lụt bão;

+ Diễn biến tình hình và đặc điểm mưa lũ trên lưu vực hồ chứa;

+ Đánh giá chất lượng đập và thiết bị vận hành đập;

+ Dự kiến các tình huống về mất an toàn đập có thể xảy ra và giải pháp kỹ thuật để dự báo, phát hiện đối phó, cảnh báo lũ lụt;

+ Công tác chuẩn bị về nhân lực; vật tư, vật liệu dự phòng; dụng cụ; thiết bị xe máy; thông tin liên lạc; ánh sáng.

- Ban quản lý Hồ chứa nước Đăk N'ting phải nhanh chóng thông báo về chế độ điều tiết hồ mùa lũ.

- Thường xuyên phổ biến cho người dân các quy định về an toàn cần thực hiện, tổ chức thông báo và sơ tán kịp thời trong trường hợp phải xả lũ lớn. Kiểm tra thường xuyên các công trình có liên quan đến việc xả tràn như hệ thống đóng mở tràn.

- Việc di dân chỉ thông báo để người dân tránh ra đồng khi có nguy cơ bão lũ.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- Thùng chứa có nắp đậy để lưu giữ tạm thời chất thải sinh hoạt.
- Nhà lưu giữ tạm thời chất thải sinh hoạt (diện tích 3 m²).
- 02 Thùng chứa lưu giữ chất thải nguy hại (có nắp đậy kín).
- Xây dựng 01 nhà vệ sinh với bể tự hoại có thể tích 16 m³; nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1).

5. Chương trình giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát thủy văn

- Giám sát chế độ thủy văn, giám sát sự biến đổi dòng chảy, cường độ và tần suất.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, mực nước.
- Vị trí giám sát: Khu vực hồ chứa nước – phần thượng lưu
- Số lượng: 2 điểm – Thượng và Hạ nguồn suối qua vị trí xây dựng đập.
- Tần suất giám sát: Mực nước mùa cạn: 2 lần/ngày, mực nước mùa lũ: 8 lần/ngày; lưu lượng mùa cạn: 2lần/tháng, lưu lượng mùa lũ: 6 lần/tháng.
- Trách nhiệm thực hiện giám sát: Chủ dự án.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 47:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc thủy văn.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn

- Kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải rắn: Rác sinh hoạt, rác phát sinh do các hoạt động xây dựng.
- Theo dõi khối lượng phát sinh các loại chất thải rắn.
- Giám sát các biện pháp thu gom, xử lý, giảm thiểu các tác động của chất thải rắn.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: Theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

5.1.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Theo dõi thành phần, khối lượng, biện pháp thu gom và xử lý đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn trong quá trình thi công và chất thải nguy hại.
- Vị trí giám sát: Tại khu vực lán trại công nhân và khu vực thi công xây dựng.

- Giám sát định kỳ: 6 tháng/01 lần.
- Quy chuẩn so sánh: Theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BNTMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

5.1.4. Giám sát sự cố môi trường

- Giám sát cháy nổ: Kho chứa nguyên, nhiên liệu ở công trình của dự án.
- Giám sát xói mòn, sạt lở: Tại vị trí đập của dự án.
- Nội dung giám sát:
 - + Nguy cơ rò rỉ nhiên liệu, nguy cơ chập điện.
 - + Kiểm tra các vị trí có khả năng bị sạt lở để báo cáo đến cơ quan quản lý dự án khắc phục.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Trách nhiệm thực hiện giám sát: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5.2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát thủy văn

- Thông số giám sát: Mực nước, lưu lượng nước về hồ.
- Vị trí giám sát: Khu vực hồ chứa, hạ lưu tuyến đập công trình thủy lợi thuộc dự án.
- Tần suất giám sát: Mực nước mùa cạn: 2lần/ngày, mực nước mùa lũ: 8 lần/ngày; lưu lượng mùa cạn: 1 lần/tháng, lưu lượng mùa lũ: 4 lần/tháng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 47:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc thủy văn.
- Trách nhiệm thực hiện giám sát: Do đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành công trình thực hiện.

5.2.2. Giám sát sự cố xói mòn sạt lở

- Kiểm tra các vị trí có khả năng bị sạt lở để báo cáo đến cơ quan quản lý dự án khắc phục.
- Vị trí giám sát: Đập đất, tràn xả lũ của dự án.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

5.2.3. Giám sát khác

Ngoài công tác giám sát các chất thải phát sinh, Chủ dự án còn giám sát các công trình xử lý môi trường để có biện pháp phòng chống, khắc phục kịp thời các nguy cơ có thể xảy ra sự cố.

6. Các điều kiện có liên quan

6.1. Thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật.

6.2. Bố trí, xây dựng các hạng mục công trình của dự án theo thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Công tác thiết kế, thi công tại đập phải đảm bảo an toàn theo các quy định tại: Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập; Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước và các tiêu chuẩn xây dựng hiện hành; công tác giám sát phải được thực hiện thường xuyên đảm bảo không để sự cố xảy ra trong quá trình thi công cũng như vận hành.

6.3. Thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý, giám sát và kỹ thuật công trình để ngăn ngừa và xử lý các sự cố về môi trường nhằm đảm bảo an toàn cho cộng đồng dân cư xung quanh và những người tham gia thực hiện dự án.

Tuân thủ các quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật.

6.4. Bố trí, thiết kế các công trình phục vụ thi công như: Ban chỉ huy công trường, lán trại của công nhân, kho chứa nguyên vật liệu, bãi tập kết máy móc thiết bị, nhà vệ sinh, bãi chứa chất thải ở những nơi phù hợp, bảo đảm các yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công và vận hành các công trình của dự án. Các bãi chứa thải chỉ được phép đổ thải khi có văn bản chấp thuận của chính quyền địa phương nơi có bãi thải của dự án.

6.5. Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn triển khai thực hiện dự án; phải thu gom, quản lý, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường; có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải, nước thải độc hại ra môi trường xung quanh.

Có biện pháp đảm bảo quá trình xây dựng dự án ảnh hưởng thấp nhất đến việc tưới tiêu của người dân, giao thông trong khu vực dự án, đất sản xuất của người dân trong khu vực dự án, không để xảy ra khiếu kiện.

6.6. Chất thải rắn sinh hoạt, sản xuất phải được quản lý, xử lý theo đúng quy định hiện hành. Đăng ký chủ nguồn thải đối với các loại chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án và quản lý, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6.7. Có biện pháp quản lý cán bộ, công nhân lao động của dự án để ngăn chặn các hiện tượng xung đột xã hội đối với người dân địa phương; có chương trình tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân lao động trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.

6.8. Lập kế hoạch, xây dựng kịch bản và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng phó sự cố khẩn cấp như vỡ đập, sạt lở, động đất và đảm bảo nước tưới cho hạ du trong mùa khô, sự cố mất an toàn và môi trường trong quá trình hoạt động của dự án; quản lý an toàn đập theo quy định hiện hành. Trong trường hợp xảy ra các sự cố phải báo cáo kịp thời cho chính quyền địa phương và Sở Tài nguyên và Môi trường, đồng thời triển khai kế hoạch ứng phó, tiến hành bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho những đối tượng bị ảnh hưởng theo quy định của pháp luật.



[Handwritten signature]

6.9. Thực hiện chương trình tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường đối với người dân địa phương, công nhân, nhân viên trong quá trình tham gia thi công và vận hành Dự án.

6.10. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của UBND và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông nơi thực hiện Dự án và theo đúng quy định của pháp luật; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để bảo đảm an ninh trật tự; tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường đối với công nhân trong quá trình tham gia thi công và vận hành Dự án.

6.11. Tuân thủ chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện các nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Quyết định này; thực hiện chương trình giám sát môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường, giám sát các yếu tố có ảnh hưởng đến môi trường. Định kỳ 6 tháng một lần, Chủ dự án phải nộp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Đắk Glong. Số liệu quan trắc phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước theo dõi, kiểm tra.

7. Các điều kiện kèm theo

7.1. Thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất của Dự án theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 về điều chỉnh quy mô dự án Dự án Hồ chứa nước Đắk N'ting, tỉnh Đắk Nông trong quy hoạch sử dụng đất và đưa ra khỏi quy hoạch ba loại rừng tại Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh, quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các thủ tục có liên quan trước khi tiến hành các bước để triển khai dự án theo đúng quy định.

7.2. Chỉ được xây dựng các hạng mục công trình của dự án trong khu vực đã chuyển mục đích sử dụng đất, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

7.3. Thực hiện công tác rà phá bom, mìn, vật liệu nổ tồn lưu trong lòng đất trước khi triển khai thực hiện dự án.

7.4. Tuân thủ các quy định về bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng nguồn nước, xả thải vào nguồn nước; các quy định về quản lý an toàn hồ đập, cứu hộ cứu nạn; an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

7.5. Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra. 


